

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 10 năm 2022

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Ngày thi: 08/10/2022

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
1	21814011404	Đào Thị Vân	Anh	12/12/1977	6,5	6,5	4,5	6,5	6,0	
2	21834010102	Đặng Thị Quỳnh	Anh	29/10/1986	8,0	6,5	4,0	7,5	6,5	
3	21814011402	Hoàng Tuấn	Anh	10/11/1977	6,5	7,5	5,5	7,0	6,5	
4	21834010101	Mai Lý Hải	Anh	30/08/1998	7,5	8,5	8,5	8,5	8,5	
5	21834010103	Nguyễn Tuấn	Anh	07/07/1989	7,5	6,5	5,5	6,5	6,5	
6	21814011405	Nguyễn Thị Lan	Anh	03/11/1976	8,0	6,0	4,5	9,0	7,0	
7	21814011406	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	23/08/1990	7,5	9,0	6,0	8,5	8,0	
8	21814011403	Trần Việt	Anh	12/10/1981	6,5	7,5	4,0	6,5	6,0	
9	21834010104	Trần Đình	Bình	15/09/1988	7,5	7,5	4,5	7,0	6,5	
10	21834010181	Somphong	Bounthavong	04/01/1992	7,5	6,0	4,0	7,0	6,0	
11	21814011408	Hồ Thị	Côi	20/02/1984	7,5	7,0	4,0	7,0	6,5	
12	21814011409	Nguyễn Bá	Công	15/05/1976	6,5	6,5	6,0	6,5	6,5	
13	21814011410	Tạ Thị	Cúc	04/07/1980	7,5	7,0	4,0	6,5	6,5	
14	21814011407	Lê Thị	Châm	01/10/1975	7,5	6,0	4,0	7,5	6,5	
15	21834010106	Nguyễn Thị Linh	Chi	02/09/1980	7,5	7,0	5,0	7,5	7,0	
16	21834010105	Võ Ngọc Lan	Chi	26/09/1997	7,5	10,0	7,0	8,5	8,5	
17	21834010107	Phạm Bá	Chiến	10/03/1988	7,5	7,5	5,0	6,5	6,5	
18	21834010109	Vũ Thị	Chung	16/07/1987	7,0	7,0	6,0	7,5	7,0	
19	21834010110	Nguyễn Huy	Chương	10/08/1974	7,5	7,5	4,0	6,5	6,5	
20	21814011419	Đỗ Thùy	Dung	07/04/1979	7,5	7,0	5,0	9,0	7,0	
21	21814011417	Khuất Thị Thanh	Dung	12/12/1983	7,0	6,5	5,5	7,5	6,5	
22	21814011420	Nguyễn Thị	Dung	12/06/1978	7,5	6,5	4,5	7,0	6,5	
23	21814011418	Trần Thị Thùy	Dung	11/04/1982	6,5	6,5	4,0	8,5	6,5	
24	21834010115	Nguyễn Đình	Dũng	30/10/1993	7,5	7,5	5,0	6,5	6,5	
25	21814011421	Nguyễn Xuân	Dũng	02/09/1977	7,5	7,0	4,5	7,0	6,5	
26	21814011422	Hoàng Khương	Duy	31/03/1974	6,5	6,0	5,0	7,5	6,5	
27	21814011411	Tô Văn	Đại	18/09/1980	7,5	7,0	5,0	7,0	6,5	
28	21814011412	Trịnh Thị	Đào	21/10/1979	7,5	7,0	6,0	7,0	7,0	
29	21834010111	Trần Hoàng	Đạo	30/11/1988	7,0	7,0	4,0	8,0	6,5	
30	21834010112	Lê Ngọc	Điện	08/09/1980	7,5	6,0	5,0	7,0	6,5	
31	21814011413	Phạm Văn	Định	01/05/1977	7,5	7,5	5,5	7,5	7,0	
32	21814011414	Đình Quang	Đông	14/10/1980	7,0	7,5	6,0	7,5	7,0	
33	21834010113	Đậu Văn	Đồng	20/08/1981	7,5	7,5	3,5	7,0	6,5	
34	20834010109	Cao Mạnh	Đức	17/10/1979	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng

chy

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
35	21814011416	Phạm Minh	Đức	12/06/1984	7,5	6,0	4,0	7,5	6,5	
36	21834010114	Phạm Minh	Đức	28/07/1987	7,5	6,5	3,5	7,5	6,5	
37	21834010116	Trần Hoàng	Gia	10/10/1983	7,0	7,5	6,0	7,0	7,0	
38	21814011423	Nguyễn Thị Trà	Giang	20/05/1975	6,5	6,0	6,0	6,5	6,5	
39	21834010117	Lê Thị	Hà	01/06/1989	7,5	6,5	5,0	7,5	6,5	
40	21814011424	Lê Thị Thanh	Hà	06/11/1981	7,5	8,5	6,5	8,5	8,0	
41	21814011425	Nguyễn Thị	Hà	20/10/1975	7,0	6,5	4,5	7,0	6,5	
42	21814011426	Trần Văn	Hà	05/03/1978	7,5	7,5	5,5	7,0	7,0	
43	21814011427	Vũ Thị Thanh	Hà	07/11/1991	7,5	7,5	4,5	7,0	6,5	
44	21834010119	Đỗ Nam	Hải	05/11/1988	7,0	8,0	5,5	7,0	7,0	
45	21814011428	Hoàng Tiến	Hải	02/11/1978	7,0	7,0	5,0	7,5	6,5	
46	21834010121	Dương Thị	Hằng	08/09/1983	7,0	7,0	4,0	6,5	6,0	
47	21834010122	Lê Thị	Hằng	21/06/1996	7,5	7,5	7,0	7,5	7,5	
48	21834010120	Lê Thị Thanh	Hằng	30/07/1987	6,5	9,0	6,5	8,0	7,5	
49	21834010123	Lê Thị Thu	Hằng	05/10/1988	7,0	8,5	4,5	7,0	7,0	
50	21814011430	Tổng Thị	Hằng	13/10/1975	7,0	7,5	5,0	7,0	6,5	
51	21814011429	Vũ Thị Thu	Hằng	09/10/1996	7,0	8,5	4,5	7,0	7,0	
52	21834010124	Lê Văn	Hiền	27/07/1983	6,5	7,0	4,5	6,5	6,0	
53	21814011432	Nguyễn Thị	Hiền	10/11/1983	7,0	5,5	6,0	7,0	6,5	
54	21814011433	Mai Xuân	Hiện	11/09/1981	7,0	6,0	5,0	7,0	6,5	
55	21834010125	Nguyễn Văn	Hiệp	05/06/1975	6,5	7,5	6,0	7,5	7,0	
56	21834010126	Vũ Thị	Hoa	18/09/1983	7,0	7,5	6,0	7,0	7,0	
57	21834010127	Bùi Thị	Hòa	14/07/1987	7,0	7,5	7,5	8,5	7,5	
58	21814011435	Hoàng Thị	Hòa	20/05/1981	6,5	6,0	5,0	7,0	6,0	
59	21814011434	Nguyễn Thị	Hòa	26/09/1982	8,0	6,5	4,5	8,0	7,0	
60	21814011436	Phạm Thị	Hòa	15/10/1973	7,0	6,0	5,5	7,0	6,5	
61	21834010128	Nguyễn Đức	Hoàng	10/02/1993	6,5	7,5	7,0	8,0	7,5	
62	21834010129	Nguyễn Hữu	Hoàng	16/06/1985	6,0	6,0	5,5	7,0	6,0	
63	21834010130	Phạm Đình	Hòa	04/03/1986	7,0	7,0	4,5	7,5	6,5	
64	21814011437	Lê Thị	Hồng	01/12/1979	6,0	8,0	5,5	7,5	7,0	
65	21834010131	Nguyễn Thị Bích	Hồng	01/03/1985	8,0	7,5	3,5	7,0	6,5	
66	21814011438	Nguyễn Mạnh	Huân	20/11/1977	7,0	6,0	4,5	8,0	6,5	
67	21834010133	Trịnh Thanh	Huệ	16/05/1981	7,5	8,5	6,5	8,0	7,5	
68	21834010135	Đậu Văn	Hùng	23/11/1979	7,0	6,5	4,0	8,0	6,5	
69	21814011439	Nguyễn Việt	Hùng	05/05/1979	7,0	8,0	3,5	7,5	6,5	
70	21834010141	Bùi Quang	Huy	09/11/1991	6,5	8,5	4,5	8,5	7,0	
71	21834010140	Cao Văn	Huy	01/12/1992	6,5	7,0	4,5	7,0	6,5	
72	21814011448	Nguyễn Quang	Huy	22/02/1975	7,0	7,5	4,5	7,5	6,5	
73	21814011449	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	15/01/1975	7,0	9,5	8,0	8,5	8,5	
74	20834030139	Lê Mạnh	Hung	09/11/1998	7,0	8,5	6,0	7,5	7,5	

chy

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
75	21834010137	Nguyễn Đắc	Hưng	25/06/1991	6,0	8,5	5,0	8,0	7,0	
76	21834010136	Vũ Văn	Hưng	01/01/1996	7,0	7,0	4,5	7,5	6,5	
77	21814011440	Lê Thị	Hương	18/05/1979	7,5	7,0	5,0	7,0	6,5	
78	21814011442	Lê Thị	Hương	03/02/1983	7,0	8,0	3,5	8,0	6,5	
79	21814011444	Ngô Thị	Hương	16/02/1975	7,0	9,0	3,5	8,0	7,0	
80	21834010138	Nguyễn Việt	Hương	25/12/1983	7,5	9,0	6,0	8,0	7,5	
81	21814011441	Trịnh Thị	Hương	20/05/1973	7,0	7,5	4,5	7,0	6,5	
82	21814011446	Chu Thị	Hường	01/01/1972	7,5	8,5	4,0	8,0	7,0	
83	21834010139	Hà Thị	Hường	16/01/1986	7,0	7,0	5,5	7,0	6,5	
84	21814011445	Lê Đình	Hường	10/10/1980	6,5	7,5	3,5	8,5	6,5	
85	21814011447	Quản Thị	Hường	05/10/1985	6,5	6,5	3,5	8,5	6,5	
86	21814011498	Somsack	Keonthong	18/8/1989	6,0	5,0	4,5	8,5	6,0	
87	21814011450	Nguyễn Thành	Kế	06/10/1975	7,5	8,0	5,0	8,0	7,0	
88	21814011451	Hà Thị	Kim	22/08/1982	7,5	8,5	5,0	8,5	7,5	
89	21814011452	Lê Thị	Lan	17/11/1978	7,0	6,0	4,5	8,0	6,5	
90	21814011453	Trần Thị	Lân	20/05/1975	6,0	7,5	5,0	8,0	6,5	
91	21814011454	Hoàng Thị	Liên	17/07/1974	6,5	6,0	5,0	8,0	6,5	
92	21834010143	Trần Thăng	Linh	27/11/1989	7,0	7,0	4,5	8,0	6,5	
93	21834010142	Vũ Ngọc	Linh	17/05/1983	7,0	7,0	5,5	8,0	7,0	
94	21814011456	Lê Thị	Loan	20/08/1980	6,5	6,5	4,0	8,0	6,5	
95	21814011457	Nguyễn Thanh	Loan	02/08/1982	7,0	8,0	4,0	8,0	7,0	
96	21834010144	Nguyễn Hoàng	Long	19/12/1996	6,5	7,5	4,5	8,5	7,0	
97	21834010145	Nguyễn Văn	Lực	15/06/1986	6,0	7,0	5,0	8,0	6,5	
98	21834010146	Nguyễn Thị	Ly	10/10/1989	7,5	8,5	5,0	8,0	7,5	
99	21834010147	Nguyễn Thị	Mai	27/10/1988	6,5	6,0	5,5	7,5	6,5	
100	21814011460	Hoàng Văn	Mậu	09/10/1978	7,0	6,5	5,0	7,5	6,5	
101	21814011461	Trương Thị	Minh	05/01/1980	6,5	7,5	5,0	8,0	7,0	
102	21814011462	Đỗ Thị	Mùi	19/10/1979	6,5	7,0	5,5	8,0	7,0	
103	21834010148	Lương Nhật	Nam	05/05/1981	7,5	6,5	4,0	8,5	6,5	
104	21814011464	Đình Thị	Nga	01/11/1981	6,5	6,5	4,0	7,5	6,0	
105	21814011463	Nguyễn Thị Phương	Nga	08/09/1981	6,5	7,5	5,0	7,5	6,5	
106	21834010149	Nguyễn Xuân	Nghĩa	09/09/1993	6,5	6,0	5,0	8,5	6,5	
107	21814011465	Nguyễn Thị	Nhàn	22/08/1980	7,0	7,0	4,5	8,0	6,5	
108	21834010150	Lê Thị Phong	Nhân	25/09/1988	7,5	6,5	4,5	8,5	7,0	
109	21814011466	Nguyễn Thị	Nhung	20/05/1982	6,5	6,5	4,0	7,5	6,0	
110	21814011467	Hoàng Thị	Phiên	14/02/1972	6,5	7,0	4,0	8,0	6,5	
111	21814011469	Lê Việt	Phương	06/07/1977	7,0	7,5	6,0	8,0	7,0	
112	21814011471	Nguyễn Thị	Phương	03/10/1980	7,5	6,0	5,0	8,0	6,5	
113	21814011468	Phạm Thị	Phương	20/06/1975	7,0	7,5	5,5	7,5	7,0	
114	21814011470	Phạm Thị	Phương	10/02/1985	6,5	6,0	3,5	7,5	6,0	

ch

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
115	21814011472	Nguyễn Thị	Phượng	02/11/1978	7,0	7,0	4,5	7,5	6,5	
116	21834010151	Đỗ Mạnh	Quân	30/04/1989	7,5	8,5	5,5	9,0	7,5	
117	21834010152	Lê Thọ	Quân	10/11/1998	7,0	7,0	4,0	7,5	6,5	
118	21834010182	Lar	Sanleunam	05.05.1989	7,0	8,0	5,0	8,0	7,0	
119	21834010154	Lê Văn	Sang	12/02/1976	6,0	6,5	5,5	8,0	6,5	
120	21834010153	Nguyễn Xuân	Sang	04/07/1985	6,0	7,0	5,0	8,5	6,5	
121	21814011473	Lê Quang	Son	29/08/1976	6,5	6,0	4,0	7,5	6,0	
122	21834010155	Lê Thế	Son	25/07/1985	6,0	8,5	5,0	8,0	7,0	
123	21814011474	Lê Minh	Tân	12/01/1977	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	
124	21834010165	Hoàng	Tiền	31/10/1995	6,0	7,0	5,5	9,0	7,0	
125	21814011491	Nguyễn Khắc	Tiếp	20/06/1984	7,5	7,5	5,0	8,5	7,0	
126	21834010166	Mai Công	Toàn	22/06/1979	7,0	6,5	5,0	7,5	6,5	
127	21834010171	Trần Ngọc	Tú	10/08/1990	6,5	8,0	5,5	7,5	7,0	
128	21814011492	Đỗ Bá	Tuấn	14/06/1979	6,5	7,5	4,5	7,5	6,5	
129	21834010173	Nguyễn Văn	Tuấn	11/11/1981	8,0	6,5	5,5	9,0	7,5	
130	21834010174	Tổng Văn	Tuấn	20/10/1978	6,5	5,5	4,5	8,0	6,0	
131	21814011494	Lèng Huy	Túc	04/07/1972	6,5	5,5	4,5	7,5	6,0	
132	21834010176	Hồ Sỹ	Tùng	19/05/1986	6,5	6,0	4,5	7,5	6,0	
133	21814011495	Lê Thị	Tuyết	28/10/1978	7,0	7,5	6,0	8,0	7,0	
134	21834010172	Nguyễn Văn	Tự	24/03/1988	7,0	7,0	5,5	8,0	7,0	
135	21814011479	Dương Văn	Thanh	10/08/1982	7,0	5,5	4,0	7,5	6,0	
136	21834010157	Hoàng Anh	Thanh	02/03/1980	6,5	7,5	4,5	7,5	6,5	
137	21814011480	Ngô Văn	Thanh	22/07/1978	6,5	6,0	6,0	7,5	6,5	
138	21834010156	Nguyễn Thị	Thanh	16/12/1990	6,5	8,0	5,0	8,0	7,0	
139	21814011481	Lê Văn	Thảo	20/02/1979	6,5	6,5	3,5	8,5	6,5	
140	21834010158	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	27/12/1988	6,5	7,5	4,5	6,5	6,5	
141	21814011475	Nguyễn Thị	Thắm	28/08/1979	6,0	5,5	5,0	7,0	6,0	
142	21814011478	Bùi Quyết	Thắng	28/02/1981	6,5	7,0	5,0	7,0	6,5	
143	21814011477	Nguyễn Văn	Thắng	14/11/1980	6,5	7,0	5,0	7,0	6,5	
144	21814011482	Nguyễn Thị	Thìn	17/10/1976	7,5	8,0	6,5	8,5	7,5	
145	21834010159	Nguyễn Đức	Thịnh	15/09/1997	7,5	7,5	6,0	9,0	7,5	
146	21814011483	Lê Thị	Thu	05/05/1976	6,5	8,0	4,0	6,5	6,5	
147	21834010160	Lưu Thị	Thu	15/02/1995	7,0	6,5	6,0	6,5	6,5	
148	21814011484	Trịnh Việt	Thuân	01/06/1988	6,0	7,0	5,5	7,5	6,5	
149	21814011485	Trương Văn	Thuật	05/05/1980	6,5	6,5	5,5	8,0	6,5	
150	21834010164	Lê Thị	Thùy	30/11/1988	7,0	5,5	5,5	8,0	6,5	
151	21814011489	Nguyễn Thị	Thùy	15/06/1980	6,5	5,5	6,5	8,0	6,5	
152	21814011487	Nguyễn Thị	Thùy	23/06/1990	6,5	7,0	4,0	9,0	6,5	
153	21834010163	Nguyễn Thị	Thùy	07/06/1986	6,5	6,5	5,5	8,0	6,5	
154	21814011486	Nguyễn Thị Phương	Thúy	15/03/1976	6,5	6,0	6,0	8,0	6,5	

ch

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
155	21814011490	Khúc Thái	Thụy	02/05/1982	6,5	6,5	5,0	7,0	6,5	
156	21834010161	Lê Thị	Thư	05/11/1992	6,5	6,0	4,0	7,0	6,0	
157	21834010162	Phan Văn	Thương	02/08/1982	6,5	7,0	5,5	7,0	6,5	
158	21834010167	Nguyễn Ngọc	Trâm	04/03/1992	7,5	7,5	5,0	9,0	7,5	
159	21834010168	Lê Văn Đức	Trinh	30/09/1984	6,5	7,0	5,0	8,0	6,5	
160	21834010169	Lê Duy	Trung	07/08/1981	6,5	6,0	5,0	7,5	6,5	
161	21834010170	Vũ Tiến	Trường	09/10/1989	6,5	8,5	6,0	9,0	7,5	
162	21834010177	Trương Hàm	Uyên	11/11/1994	6,5	7,0	4,0	7,0	6,0	
163	21834010178	Nguyễn Thanh	Vân	20/11/1985	7,0	6,5	5,0	7,5	6,5	
164	21814011496	Trịnh Ngọc	Vĩ	28/12/1977	7,0	8,0	4,0	8,0	7,0	
165	21834010179	Đỗ Đình	Việt	11/03/1992	7,0	6,0	5,5	7,0	6,5	
166	21834010180	Tạ Nguyên	Vương	04/05/1989	7,5	7,0	6,0	9,0	7,5	

**KT. TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Hoàng Thị Mai

THƯ KÝ BAN CHỈ ĐẠO

Nguyễn Thế Cường